

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2021/HS-ST

Ngày: 28 - 01 - 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH GIA LAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm Phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đoàn Xuân Hòa

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lưu Thông

Ông Lê Văn Do

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Hiền Băng

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:
Ông Ngô Văn Kim - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 01 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 51/2020/TLST-HS, ngày 30 tháng 11 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2021/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 01 năm 2021 đối với bị cáo:

Nguyễn Đình N (Tên gọi khác: Rum), sinh năm 1991 tại tỉnh Gia Lai; Nơi cư trú: Tổ dân phố 6, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Xuân H, sinh năm: 1962 (đã chết) và bà Nguyễn Thị L, sinh năm: 1967; bị cáo chưa có vợ; Tiền án: 01 tiền án, tiền sự: Không. Cụ thể:

Ngày 28/8/2012 bị TAND huyện Đ xử phạt 06 (sáu) tháng tù, về tội: “*Cố ý làm hư hỏng tài sản*” (Bản án số: 37/2012/HSST). Chấp hành án tại Trại giam Gia trung, đến ngày 09/4/2013, chấp hành xong hình phạt về sinh sống cùng gia đình.

Ngày 05/3/2016, bị Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ khởi tố về tội: “*Đánh bạc*” theo quy định tại Điều 321 BLHS năm 2015. Căn cứ vào khoản 1 Điều 3 Nghị quyết số 01/2016/NQ-HĐTP ngày 30/6/2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao do chuyển biến về tình hình, ngày 05/7/2016 Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ đã đình chỉ vụ án và đình chỉ bị can đối với Nguyễn Đình N. Công an huyện Đ đã xử phạt hình chính số tiền 1.000.000đ đối với N, N đã nộp phạt vào ngày 12/10/2016.

Ngày 20/12/2017, bị TAND Tp Pu, tỉnh Gia Lai xử phạt 12 tháng tù về tội: “Trộm cắp tài sản”, (Bản án số: 168/2017/HSST), đến ngày 14/8/2018 chấp hành xong hình phạt và về địa phương sinh sống (còn án tích).

Ngày 17/3/2020, bị cáo Nguyễn Đình N và Nguyễn Hoàng S có hành vi cùng trộm cắp tài sản, sau N đó bỏ trốn. Ngày 25/3/2020 bị khởi tố về tội: “Trộm cắp tài sản”, ngày 27/3/2020 N bị ra Lệnh truy nã. Đối với Nguyễn Hoàng S, đã được Tòa án nhân dân huyện Đ xét xử tại Bản án số 22/2020/HSST ngày 21/7/2020, xử phạt S 09 tháng tù.

Ngày 22/3/2020, bị cáo N còn có hành vi Cướp giật tài sản và sau đó cũng bỏ trốn. Ngày 22/5/2020, bị khởi tố về tội: “Cướp giật tài sản”. Hiện đang được điều tra xử lý ở 01 vụ án khác (chưa xét xử).

Bị cáo bị bắt theo Lệnh truy nã vào ngày 13/9/2020. Hiện nay bị cáo đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Đ (trong vụ án khác). Có mặt.

***Bị hại:**

Công ty TNHH H; Trụ sở: đường D, phường D, Tp. P, tỉnh Gia Lai. Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Chí H - Chức vụ: Giám đốc. Có đơn xin vắng mặt.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1/ Anh Nguyễn Hoàng S, sinh năm: 1994. Trú tại: Tổ dân phố 8, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Có đơn xin vắng mặt.

2/ Ông Nguyễn Đ, sinh năm: 1969. Trú tại: Thôn P, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Có đơn xin vắng mặt.

3/ Ông Mai Văn T, sinh năm: 1985. Trú tại: Thôn 3, xã A, Tp.P, tỉnh Gia Lai. Có đơn xin vắng mặt.

4/ Ông Hà Văn K, sinh năm: 1989. Trú tại: Thôn 1, xã A, Tp.Pu, tỉnh Gia Lai. Có đơn xin vắng mặt.

***Người làm chứng:**

1/ Ông Nguyễn Thành T, sinh năm: 1986. Trú tại: Thôn 4, xã A, Tp.Pleiku, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

2/ Ông Huỳnh Văn P, sinh năm: 1970. Trú tại: Thôn 7, xã A, Tp.P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ ngày 17 tháng 3 năm 2020, Nguyễn Hoàng S đi bộ từ nhà tại Tổ dân phố 8, thị trấn Đ, huyện Đ, mục đích đến nhà bạn tên là T cũng trú Tổ dân phố 8, thị trấn Đ chơi. Khi đi qua đường Nguyễn D thuộc Tổ dân phố 8, thị trấn Đ, S nhìn thấy 01 xe ô tô tải biển kiểm soát 81M – 2262 đang đỗ tại góc đường W và đường Nguyễn D. Đây là xe của Công ty Trách nhiệm hữu hạn H, địa chỉ tại Phường D, Tp. P, tỉnh Gia Lai, xe được giao cho ông Nguyễn Đ, trú tại Thôn P, thị

trần Đ là nhân viên của Công ty H quản lý và sử dụng, trên xe lúc này không có ai trông coi. Khi đến nhà T thì không có ai ở nhà, S gặp Nguyễn Đình N là bạn cũng vừa đi đến nhà T. Lúc này S nảy sinh ý định trộm cắp bình ắc quy trên xe ô tô tải biển kiểm soát 81M – 2262 nên S rủ N cùng trộm cắp thì N đồng ý. N và S đi bộ về nhà N, sau đó N đi mượn xe mô tô của một người tên là T (còn gọi là Bi), hiện không rõ họ tên, địa chỉ, là thợ sửa xe ở ga ra gần nhà N rồi chở S đến nhà bà Nguyễn Thị P, trú Thôn 4, thị trấn Đ mượn 01 kìm cộng lực, sau đó N chở S đến vị trí xe ô tô tải biển kiểm soát 81M – 2262, thấy không có ai trông coi nên S và N đã dùng kìm cắt, tháo được 02 bình ắc quy hiệu ANIMAC, loại 12V – 70AH. Sau khi trộm cắp được 02 bình ắc quy, trên đường chở bình ắc quy đi tiêu thụ thì N dừng xe và một mình đi trả kìm cho bà P. Sau đó Nghĩa chở S cùng 02 bình ắc quy trộm cắp lên xã A, Tp. P để tiêu thụ. Trên đường đi tìm địa điểm tiêu thụ, N và S đã vào tiệm sửa xe công nông của anh Nguyễn Thành T, trú Thôn 7, xã A, Tp. P để bán cho anh T nhưng anh T không mua. Lúc này thấy anh Huỳnh Văn cũng trú Thôn 7, xã A, Tp. P nên anh T gọi anh P vào và giới thiệu cho anh P mua bình nhưng anh P cũng không có nhu cầu nên không mua và anh P đi về. Khi về nhà, biết anh Mai Văn T là bạn trú Thôn 3, xã A có nhu cầu mua bình ắc quy nên P gọi điện cho anh T, sau đó P và T đi đến tiệm sửa xe của anh T để mua bình ắc quy. Khi đến tiệm anh T, anh T gặp S và N, sau khi trả giá anh Tùng đã mua của S và N 01 bình ắc quy với giá 600.000đ. Còn lại 01 bình ắc quy, biết anh Hà Văn K trú Thôn 1, xã A có nhu cầu mua nên anh T đã gọi điện cho anh Hà Văn K, sau đó anh K đến và đã mua 01 bình ắc quy còn lại của S và N với số tiền là 500.000đ. Sau khi bán bình ắc quy trộm cắp được số tiền là 1.100.000đ, N, S chia nhau mỗi người 550.000đ. N chở S về nhà S, còn N về nhà trả xe mô tô cho Bi. Số tiền được chia cho N và S đã tiêu xài cho cá nhân hết.

Ngày 19 tháng 3 năm 2020, Nguyễn Hoàng Sra đầu thú, khai nhận hành vi phạm tội của mình. Đến ngày 21 tháng 7 năm 2020, Tòa án nhân dân huyện Đ, đã xét xử hành vi phạm tội của Nguyễn Hoàng S, tuyên phạt 09 tháng tù tại bản án số Bản án số 22/2020/HSST.

Đối với Nguyễn Đình N sau khi phạm tội đã bỏ trốn và bị truy nã (Ngày 22/3/2020, bị cáo N còn có hành vi Cướp giật tài sản, ngày 22/5/2020 bị khởi tố về tội: “Cướp giật tài sản” đến nay chưa xét xử) đến ngày 13 tháng 9 năm 2020, N về nhà ở Tổ dân phố 6, thị trấn Đ, huyện Đak Đoa thì bị bắt giữ. Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ, Nghĩa đã khai nhận hành vi phạm tội “Trộm cắp tài sản” của mình như trên.

Theo kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản huyện Đ thì tổng giá trị 02 bình ắc quy (bị trộm cắp) được yêu cầu định giá là 1.900.000đ (Một triệu chín trăm ngàn đồng).

Đối với bà Nguyễn Thị P là người đã cho bị cáo Nguyễn Đình N mượn kìm, nhưng bà P không biết để Nguyễn Đình N và Nguyễn Hoàng S đi thực hiện hành vi trộm cắp, nên không có căn cứ xử lý bà P, và trong quá trình điều tra, chiếc kìm Cơ quan điều tra cũng không thu giữ.

Đối với người có tên là T (còn gọi là Bi) đã cho Nghĩa mượn xe mô tô, N sử dụng xe này vào việc trộm cắp, hiện không xác định được T (Bi) đang ở đâu, và trong quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ cũng không thu giữ xe mô tô.

Vật chứng thu giữ và xử lý:

02 bình ắc quy hiệu ANIMAC, loại 12V - 70AH, màu trắng bị trộm cắp. Hiện đã được trả lại cho người bị hại.

Về dân sự: Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ không có yêu cầu bồi thường gì.

Đối với Nguyễn Hoàng S: Vật chứng vụ án đã thu giữ và vấn đề dân sự liên quan đến vụ án đã được Tòa án nhân dân huyện Đ giải quyết tại Bản án số 22/2020/HSST ngày 21 tháng 7 năm 2020.

Tại Cáo trạng số: 47/CT-VKS ngày 27/11/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ đã truy tố bị cáo Nguyễn Đình N về tội: “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ giữ nguyên nội dung đã truy tố bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử như sau:

- Về tội danh, điều luật, hình phạt:
- + Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đình N phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.
- + Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 173; Điều 38; Điều 50; điểm s khoản 1 Điều 51; **Điều 58** của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo từ 09 tháng đến 12 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt thi hành án
- Không xử phạt bổ sung đối với bị cáo.
- Về vật chứng, bồi thường dân sự: Đã được giải quyết, xét xử tại Bản án số 22/2020/HSST ngày 21/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện Đ đối với Nguyễn Hoàng S. Trong vụ án này các đương sự không có yêu cầu gì về bồi thường dân sự nên không xem xét.
- Về án phí: Buộc bị cáo chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thừa nhận hành vi đã thực hiện phù hợp với hành vi, tội danh, điểm, khoản, Điều luật đã truy tố, không có khiếu nại, không có ý kiến phản đối gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Những chứng cứ, tài liệu do Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên thu thập và chứng cứ, tài liệu của bị cáo, người tham gia tố tụng khác cung cấp đều phù hợp với quy định của pháp luật. Hành vi, quyết định tố tụng

của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đều thực hiện đúng với quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận:

Khoảng 11 giờ ngày 17 tháng 3 năm 2020, Nguyễn Hoàng S và Nguyễn Đình N đã có hành vi trộm cắp 02 bình ắc quy trên xe ô tô biển kiểm soát 81M – 2262 của Công ty TNHH (do ông Nguyễn Đ là nhân viên của Công ty được giao trách nhiệm điều khiển và quản lý xe trên) đang đỗ tại đường W, Tổ dân phố 8, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Sau khi trộm cắp N và S mang bán được số tiền 1.100.000đ và đã chia tiền tiêu xài hết.

Theo kết luận của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng huyện Đ, trị giá 02 bình ắc quy bị trộm cắp là: 1.900.000 đồng.

[3] Xét thấy, lời khai của bị cáo Nguyễn Đình N tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của **bị cáo** tại cơ quan điều tra, phù hợp lời khai của những người tham gia tố tụng khác, phù hợp với các chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án, nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Nguyễn Hoàng S và Nguyễn Đình N đã có hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác có trị giá là 1.900.000 đồng, hành vi này của N và S là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân, xâm phạm trật tự trị an xã hội được pháp luật bảo vệ. Do bị cáo Nguyễn Đình N đã bị kết án về tội này (Tại án số 168/2017/HSST ngày 20/12/2017 bị TAND thành phố P, tỉnh gia Lai xử phạt 12 tháng tù về tội: “*Trộm cắp tài sản*”, đến ngày 14/8/2018, chấp hành xong hình phạt và về địa phương sinh sống), chưa được xóa án tích mà tiếp tục thực hiện hành vi nêu trên nên hành vi này của Nguyễn Đình N đã phạm vào tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

[4] Nhận thấy, đây là vụ án đồng phạm do Nghĩa và S cùng thực hiện tội phạm, nhưng khi thực hiện tội phạm không có sự bàn bạc, phân công cụ thể vai trò của từng người mà các đồng phạm cùng thực hiện nên mang tính chất đồng phạm giản đơn.

Sau khi trộm cắp Nguyễn Đình N bỏ trốn khỏi địa phương, đến ngày 13 tháng 9 năm 2020, Nghĩa bị bắt giữ trong một vụ án khác (chưa xét xử).

Đối với Nguyễn Hoàng S, đã được Tòa án nhân dân huyện Đ xét xử tại Bản án số 22/2020/HSST ngày 21/7/2020, xử phạt Sơn 09 tháng tù (bản án đã có hiệu lực pháp luật)

[5] Hội đồng xét xử xét thấy, bị cáo là người có đầy đủ sức khỏe để lao động kiếm tiền nuôi bản thân, nhưng do lười lao động mà bất chấp pháp luật để phạm tội nêu trên để lấy tiền tiêu xài để thỏa mãn nhu cầu vật chất của bản thân. Do bị cáo có 01 tiền án và có nhân thân xấu, sau khi phạm tội đã bỏ trốn, bị truy nã nên gây khó khăn cho hoạt động điều tra; ngoài ra ngày 22/3/2020 bị cáo còn có hành vi Cướp giật tài sản, hiện nay đang bị điều tra trong một vụ án khác (**chưa xét xử**) nên cần có một mức án thật nghiêm khắc bằng hình phạt tù có thời hạn để cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhằm mục đích giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội và góp phần đấu tranh phòng ngừa tội phạm chung tại địa phương. Tuy nhiên, nhận thấy trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo nên đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1

Điều 51 Bộ luật Hình sự được Hội đồng xét xử xem xét khi quyết định hình phạt cho bị cáo.

Ngoài hình phạt chính, Hội đồng xét xử quyết định không xử phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo.

[6] Về vật chứng:

- Đối với bà Nguyễn Thị P là người đã cho Nguyễn Đình N mượn kim, nhưng bà P không biết để Nguyễn Đình N và Nguyễn Hoàng S đi thực hiện hành vi trộm cắp, nên không có căn cứ xử lý bà P, và trong quá trình điều tra, chiếc kim Cơ quan điều tra cũng không thu giữ nên không xem xét.

- Đối với người có tên là T (còn gọi là Bi) đã cho N mượn xe mô tô, Nghĩa sử dụng xe này vào việc trộm cắp, hiện không xác định được T (Bi) đang ở đâu và trong quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ cũng không thu giữ xe mô tô này nên không xem xét.

- Đối với 02 bình ắc quy hiệu ANIMAC, loại 12V - 70AH, màu trắng bị trộm cắp. Cơ quan điều tra đã trả lại cho người bị hại là phù hợp với pháp luật nên không xem xét lại.

[7] Về dân sự:

Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ không có yêu cầu bị cáo Nguyễn Đình N bồi thường gì nên không xem xét.

[8] Từ những nội dung mà Hội đồng xét xử đã phân tích, xem xét nêu trên nên nhận thấy những nội dung mà Viện kiểm sát truy tố tại bản cáo trạng và đề nghị tại phiên tòa là có cơ sở nên được chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về điều luật được áp dụng:

- Căn cứ vào điểm điểm b khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 50; **Điều 58** của Bộ luật hình sự;

- Căn cứ Điều 135; Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự;

- Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

2. Về tội danh:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đình N phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

3. Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đình N **01 (một) năm 03 (ba) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt thi hành án.

4. Về án phí:

Buộc bị cáo Nguyễn Đình N chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, **bị cáo** có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Đối với bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện Đ;
- Công an huyện Đ;
- Thi hành án dân sự huyện Đ;
- Sở tư pháp tỉnh Gia Lai;
- Bị cáo; bị hại; nlq;
- Lưu: Hồ sơ, cq.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đoàn Xuân Hòa